

Số: 02 /2026/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày 28 tháng 3 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh đang học bán trú, học sinh thuộc hộ nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Xét Tờ trình số 22/TTr-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh đang học bán trú, học sinh thuộc hộ nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số 36/BC-HĐND ngày 27 tháng 3 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định chính sách hỗ trợ đối với học sinh đang học bán trú, học sinh thuộc hộ nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định đối tượng, điều kiện, nguyên tắc, mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ đối với học sinh đang học bán trú, học sinh thuộc hộ nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP Quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

a) Học sinh là người dân tộc thiểu số không thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã khu vực II (xã khó khăn) đang học bán trú tại các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

b) Học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ mà bản thân và bố hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn không đủ điều kiện là học sinh bán trú theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Điều kiện hỗ trợ

1. Điều kiện chung: Học sinh thuộc các đối tượng tại điểm a, b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này phải trong độ tuổi đi học phổ thông và không nghỉ học vượt quá thời gian quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Điều kiện cụ thể

a) Học sinh đang học bán trú phải đáp ứng các điều kiện về khoảng cách quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Điều 2 Quyết định số 87/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày; danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Học sinh thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều theo quy định của Chính phủ phải được cấp có thẩm quyền công nhận.

Điều 3. Nguyên tắc hưởng chính sách

1. Học sinh thuộc đối tượng áp dụng chính sách quy định tại Nghị quyết này, đồng thời thuộc đối tượng áp dụng của chính sách cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức cao nhất của chính sách đó.

2. Học sinh lưu ban thì năm học lưu ban đầu tiên vẫn được hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết này. Trường hợp học sinh phải tạm dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì vẫn được hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này trong thời gian tạm dừng học.

Điều 4. Mức hỗ trợ, thời gian hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ:

a) Học sinh được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 được hỗ trợ tiền ăn là 585.000 đồng/học sinh/tháng.

b) Học sinh được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 được hỗ trợ tiền ăn là 351.000 đồng/học sinh/tháng.

c) Học sinh bán trú phải tự túc chỗ ở do nhà trường không thể bố trí ở bán trú trong trường được hỗ trợ tiền ở là 234.000 đồng/học sinh/tháng.

2. Thời gian hỗ trợ: Thời gian hỗ trợ theo thời gian học thực tế nhưng không quá 9 tháng/năm học.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Nghị quyết này được đảm bảo từ ngân sách địa phương và theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 09 tháng 4 năm 2026.

2. Bãi bỏ toàn bộ các Nghị quyết sau:

a) Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Ban hành chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 và Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, người phục vụ học sinh bán trú tại các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

b) Nghị quyết số 88/2013/NQ-HĐND ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Về việc bãi bỏ một phần đối tượng được hưởng chính sách quy định tại Nghị quyết số 22/2011/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang Ban hành chính sách hỗ trợ học sinh bán trú, học sinh nghèo không thuộc đối tượng hưởng theo Quyết định số 2123/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2010 và Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; Chính sách hỗ trợ đối với cán bộ quản lý, người phục vụ học sinh bán trú tại các trường phổ thông công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

3. Bãi bỏ số thứ tự 45, 46 Mục VI Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 25 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang Về việc áp dụng các Nghị quyết quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang và tỉnh Hà Giang trước sắp xếp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

4. Trường hợp văn bản được viện dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

5. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

6. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XX, kỳ họp thứ Nhất thông qua ngày 28 tháng 3 năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế, Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Các Ban của HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND xã, phường;
- Báo và phát thanh, truyền hình Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Thanh Trà